

Bản án số: 22/2020/HS-ST
Ngày: 14-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Thế Hiền
2. Ông Đặng Văn Hậu

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Yến –Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Dương Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2020/HSST ngày 11 tháng 6 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh H, sinh năm 2001; tại huyện X, tỉnh Vĩnh Long; trú tại: ấp P, xã Z, huyện X, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: đang học sửa xe mô tô; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Nguyễn Mỹ Tuyên; cha: không rõ; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh H: Ông Lê Văn Nhẫn, trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Vĩnh Long “có mặt”.

Bị hại: Võ Văn V, sinh năm 1994 “vắng mặt”

Cư trú: ấp P, xã Z, huyện X, tỉnh Vĩnh Long

Người làm chứng:

1. Võ Văn T, sinh năm 1964 “có mặt”.
2. Trần Thị N, sinh năm 1975 “có mặt”.
3. Võ Minh Q, sinh năm 1987 “vắng mặt”.
4. Võ Hữu G, sinh ngày 21/12/2003 “vắng mặt”.

Người đại diện hợp pháp của Võ Hữu G là: Ông Võ Văn T, sinh năm 1964 và bà Trần Thị N, sinh năm 1975, là cha mẹ ruột.

Cùng cư trú: ấp P, xã Z, huyện X, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 18/3/2020, anh Võ Minh Q có điều khiển xe tải ngang nhà Nguyễn Thanh H để rước H về nhà anh Q ngụ tại ấp P, xã Z, huyện X, tỉnh Vĩnh Long để uống rượu. Trong lúc chuẩn bị uống rượu H đi bộ sang nhà ông Võ Văn T ngụ cùng ấp để mời ông T sang cùng uống rượu thì gặp vợ chồng ông T đang ở nhà sau nên H đến nói chuyện và mời ông T, ông T nhận lời mời nên H đi về. Trong lúc đi ngang qua cửa sổ phòng khách nhà ông T, H nhìn vào trong phòng thấy có 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus, màu vàng của anh Võ Văn V, sinh năm 1994 (con trai của ông T) đang sạc pin để trên bàn tròn trong phòng khách nên H nảy sinh ý định lấy trộm điện thoại di động về sử dụng. H quan sát thấy không ai để ý nên lén lút đi vào phòng khách từ cửa chính đến rút chui cắm điện thoại ra khỏi ổ cắm, lấy điện thoại bỏ túi quần rồi đi sang vườn cây ăn trái phía sau nhà anh Q lấy sim điện thoại ra vứt bỏ, còn điện thoại thì H giấu vào gốc cây măng cụt rồi vào nhà anh Q để uống rượu. Sau khi nghỉ uống rượu thì H đi ra gốc măng cụt lấy điện thoại đã giấu trước đó đem về nhà cất giữ. Sau khi anh V trình báo, công an mời H làm việc H đã thừa nhận hành vi và giao nộp điện thoại đã lấy trộm.

Vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6Splus màu vàng, màn hình cảm ứng, số IMEI 355737078082565, số MEID 35573707808256.

Theo kết luận định giá tài sản số: 15/KLHD-ĐGTS ngày 06/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự Hện X kết luận giá trị điện thoại Iphone 6Splus trong vụ trộm cắp tài sản ngày 18/3/2020 là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Quá trình điều tra Cơ Q điều tra Công an huyện X đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Võ Văn V.

Tại bản Cáo trạng số: 26/CT-VKSTÔ ngày 10/6/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh H về tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X đề nghị: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh H phạm tội “trộm cắp tài sản”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Về án phí sơ thẩm: Miễn án phí hình sự cho bị cáo do bị cáo thuộc hộ nghèo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố và có thái độ ăn năn, hối cải xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất về tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố. Tuy nhiên cần xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo do bị cáo phạm tội nhất thời vì muốn có điện thoại sử dụng nên nảy sinh ý định trộm, am hiểu pháp luật hạn chế, bản thân bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo không có cha, hiện sống với bà ngoại đã già, bị

cáo là lao động chính trong gia đình và bị cáo có chỗ ở ổn định nên đề nghị xử bị cáo cải tạo không giam giữ 06 đến 09 tháng là đủ.

Bị hại vắng mặt nhưng có văn bản xin bãi nại cho bị cáo, về trách nhiệm dân sự không yêu cầu gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo trả lại tài sản cho bị hại, bị cáo thấy có lỗi, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với những người tham gia tố tụng, bị hại, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của họ, được cơ quan điều tra lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên việc xét xử vắng mặt những người trên của Hội đồng xét xử là phù hợp pháp luật.

[3] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Lời khai của bị cáo Nguyễn Thanh H tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra thu thập, qua đó xác định: Khoảng 18 giờ ngày 18/3/2020 tại ấp P, xã Z, huyện X, tỉnh Vĩnh Long, Nguyễn Thanh H đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus trị giá 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) của anh Võ Văn V nhằm mục đích sử dụng cá nhân. Do đó, có đủ yếu tố quy kết bị cáo Nguyễn Thanh H phạm tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi của Nguyễn Thanh H là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác một cách trái pháp luật, đồng thời gây mất an ninh trật tự tại địa phương, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân bị cáo thấy sự sơ hở của chủ sở hữu nên nảy sinh lòng tham lấy trộm điện thoại, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo nhận thức được lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện, chứng tỏ bị cáo xem thường sự trừng trị của pháp luật. Do đó cần phải xử lý một mức án nghiêm khắc, xứng đáng hành vi của bị cáo gây ra, nhằm giáo dục răn đe bị cáo và tránh trường hợp tương tự xảy ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng: không

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo khắc phục hậu quả là giao trả lại tài sản lấy trộm; người phạm tội gây thiệt hại không lớn; sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất không yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thanh H nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm nhưng bị cáo thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo là xử bị cáo mức án 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ là chưa thể hiện được sự răn đe, chưa xứng với hành vi mà bị cáo thực hiện và để nhằm phòng ngừa loại này diễn ra tại địa phương do đó cần xử mức án cao hơn mới nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo như Kiểm sát viên đề nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh H phạm tội “trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách 01 (Một) năm.

Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 14/7/2020).

Giao bị cáo Nguyễn Thanh H cho Ủy ban nhân dân xã Z, huyện X, tỉnh Vĩnh Long giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí sơ thẩm:

Miễn 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự cho bị cáo Nguyễn Thanh H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Sở tư pháp: 01;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện X: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01;
- CA huyện X: 02;
- THA huyện X: 01;
- UBND xã Z, huyện X;
- Bị cáo: 01;
- Bị hại: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Hoàng Phong;